

# THÀNH TỰU VÀ KINH NGHIỆM CẢI CÁCH THỂ CHẾ KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC

---

PGS.TS NGUYỄN KIM BẢO  
*Viện Nghiên cứu Trung Quốc*

---

**C**ông cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc trong 30 năm qua đối diện với áp lực trong nước và quốc tế chưa từng có từ trước đến nay. Cải cách phải thực hiện một loạt nhiệm vụ chuyển đổi thể chế, chuyển đổi mô hình kinh tế, chuyển đổi mô hình xã hội...trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động như sự tan rã của các nước Đông Âu và Liên xô, gần đây là khủng hoảng tài chính toàn cầu... Trong hoàn cảnh lịch sử đó, cải cách thể chế kinh tế của Trung Quốc đã đạt được những thành tựu rực rỡ khiến cả thế giới phải chú ý và có thể tham khảo nhiều kinh nghiệm quý.

## I. NHỮNG THÀNH TỰU

### 1. Thực hiện chuyển đổi cơ bản từ thể chế kinh tế kế hoạch sang thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa

*Một là, kết cấu sở hữu không ngừng hoàn thiện, chế độ kinh tế cơ bản trong giai đoạn đầu của CNXH “lấy công hữu làm chủ thể, kinh tế nhiều chế độ sở*

*hữu cùng phát triển”* đã được thiết lập. Việc điều chỉnh mang tính chiến lược kinh tế nhà nước có những tiến triển rõ rệt, vốn nhà nước có vai trò chủ đạo và ưu thế trong những lĩnh vực then chốt và những ngành nghề quan trọng liên quan đến an ninh và huyết mạch của nền kinh tế quốc dân. Cải cách doanh nghiệp nhà nước đạt được những đột phá quan trọng, bước đầu xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại đã nâng cao chất lượng và hiệu quả của kinh tế nhà nước. Hơn một nửa trong số những doanh nghiệp nhà nước trọng điểm tiến hành cải cách chế độ cổ phần, hơn 90% các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành cải cách chế độ. Kinh tế phi công hữu đã trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng trong nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, là lực lượng quan trọng thúc đẩy sức sản xuất xã hội Trung Quốc phát triển. Hiện nay, tỷ trọng của thành phần kinh tế phi công hữu trong GDP đã vượt qua 1/3. Trong giá trị gia tăng công nghiệp, kim ngạch kinh tế phi công hữu

chiếm khoảng 60%. Tính đến năm 2007, Trung Quốc có 551.300 doanh nghiệp tư nhân, số lao động tham gia làm việc trong những doanh nghiệp này là 72.530.000 người; số hộ thương nghiệp cá thể là 27.415.000 hộ, số người tham gia lao động là 54.962.000 người<sup>(1)</sup>.

*Hai là*, thành quả cải cách thể chế kinh tế nông thôn rõ rệt, bộ mặt kinh tế xã hội nông thôn có những biến chuyển mang tính lịch sử. Thể chế kinh doanh hai tầng “lấy kinh doanh khoán hộ gia đình làm cơ sở, kết hợp tập thể và hộ gia đình” không ngừng được hoàn thiện và củng cố, quyền kinh doanh tự chủ của nông dân được đảm bảo. Những thành tựu cải cách tổng hợp nông thôn, lấy cải cách tài chính tiền tệ làm trọng điểm rất rõ nét. Việc xóa bỏ ba loại thuế nông nghiệp (thuế nông nghiệp, thuế chăn nuôi và thuế đặc sản nông nghiệp) là một biện pháp quan trọng giải quyết vấn đề tam nông. Việc xóa bỏ ba loại thuế này không chỉ giảm gánh nặng cho nông dân mà quan trọng hơn, nó đã làm “công bằng gánh nặng của dân chúng thành thị, nông thôn”<sup>(2)</sup>, khiến cho nông dân được bình đẳng hơn trong nghĩa vụ nộp thuế công dân, thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Điều này rất có ý nghĩa trong việc xây dựng xã hội hài hòa ở Trung Quốc. Thể chế quản lý phân tách thành thị nông thôn có những đột phá, cơ chế “lấy công nghiệp thúc đẩy nông nghiệp, lấy thành thị lôi kéo

nông thôn”...đã dần thay đổi kết cấu nhị nguyên thành thị và nông thôn. Mức độ đô thị hóa của Trung Quốc cũng tăng lên nhanh chóng từ 17,9% năm 1978 lên 43,9% năm 2007<sup>(3)</sup>.

*Ba là*, hệ thống thị trường hiện đại *thống nhất, mở cửa, cạnh tranh, có trật tự* bước đầu hình thành, vai trò cơ sở của thị trường trong phân bổ nguồn lực được tăng cường. Các tổ chức sản xuất kinh doanh lấy nhu cầu thị trường làm phương hướng dẫn dắt đã đạt được thành quả to lớn. Theo kết quả điều tra phân tích của Bộ Thương mại Trung Quốc đối với xếp hạng cung cầu thị trường của 600 loại hàng hóa, tỷ lệ hàng hóa cung cầu cơ bản cân bằng chiếm trong toàn bộ hàng hóa từ 12% năm 2002 tăng lên đến 28,7% năm 2006; còn hàng hóa cung lớn hơn cầu từ 88,0% hạ xuống còn 71,3%<sup>(4)</sup>. Sự thay đổi căn bản của tình hình cung cầu thị trường theo xu hướng hợp lý hơn, đã thúc đẩy việc xác lập thị trường bên mua chiếm vị trí chủ đạo trong kết cấu thị trường hàng hóa. Do người tiêu dùng chiếm vị trí chủ đạo nên thị trường hàng tiêu dùng về tổng thể đã duy trì được tình hình tăng trưởng khá nhanh và bình ổn. Tổng mức bán lẻ hàng tiêu dùng xã hội từ 4813,6 tỷ NDT năm 2002 tăng lên đến 7641,0 tỷ NDT năm 2006, tăng trưởng trung bình hàng năm là 12,2%, khấu trừ nhân tố giá cả, tăng trưởng thực tế là 11,5%<sup>(5)</sup>. Do nhà nước thực hiện một loạt chính

sách hỗ trợ ưu đãi nông nghiệp, thị trường hàng tiêu dùng nông thôn phát triển nhanh rõ rệt. Khoảng cách mức bán lẻ hàng tiêu dùng thành thị và nông thôn từng bước thu nhỏ, từ 7,7% của năm 2002 xuống còn 1,7% của năm 2006. Điều này cho thấy biên độ tăng tiêu dùng giữa thành thị và nông thôn hẹp lại. Tình trạng tiêu dùng nóng nghiêng về phía thành thị đang dần dần thay đổi, xuất hiện cục diện mới thị trường thành thị và nông thôn tăng trưởng đồng bộ.

Trình độ thị trường hóa các yếu tố sản xuất như vốn, kỹ thuật, đất đai, sức lao động và tài nguyên khoáng sản được nâng lên rõ rệt. Thị trường vốn, đặc biệt là thị trường cổ phiếu phát triển mạnh mẽ. Tính đến cuối năm 2007, Trung Quốc có tất cả 1550 công ty niêm yết, tổng giá trị niêm yết đạt 32710 tỷ NDT, bằng 130% GDP cùng năm<sup>(6)</sup>. Với 32.710 tỷ NDT giá trị yết, Trung Quốc đứng thứ 3 trong thị trường vốn toàn cầu, đứng thứ nhất trong những thị trường mới nổi. Năm 2007, lượng giao dịch thành công trên thị trường cổ phiếu cả năm đạt 46.055,62 tỷ NDT, tăng gấp 5 lần so với năm 2006. Cũng trong năm này, lần đầu tiên Trung Quốc công bố công khai tích lũy vốn cổ phiếu đạt 459,579 tỷ NDT, đứng đầu thế giới, lượng giao dịch bình quân ngày đạt 190,3 tỷ NDT<sup>(7)</sup>. Thị trường vốn của Trung Quốc trở thành

một trong những thị trường sôi động nhất toàn cầu.

*Bốn là*, việc chuyển đổi chức năng chính phủ có những tiến triển tích cực. Hệ thống điều tiết vĩ mô lấy việc điều chỉnh gián tiếp làm chính từng bước được hoàn thiện. Công cụ chủ yếu của điều tiết vĩ mô là chính sách tài chính và chính sách tiền tệ. Khi kinh tế tiêu điều, chính phủ thực hiện chính sách tài chính mang tính mở rộng, tức là thông qua việc giảm thuế hoặc tăng chi tài chính để tăng tài chính bù khuyết cho mở rộng tổng nhu cầu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện tạo việc làm. Khi kinh tế phồn vinh, chính phủ thực hiện chính sách tài chính mang tính thắt chặt, thông qua tăng thu nhập từ thuế hoặc giảm chi tài chính, để tăng lãi tài chính hạn chế tổng nhu cầu, thực hiện tăng trưởng ổn định kinh tế, quản lý sự tăng giảm trong lưu thông hàng hóa. Để phát huy hiệu quả trong điều tiết vĩ mô, chính phủ Trung Quốc chú trọng phối hợp nhịp nhàng giữa chính sách tài chính với chính sách tiền tệ. Sự phối hợp này thể hiện ở chỗ cùng thắt chặt, cùng nới lỏng, hoặc một bên thắt chặt một bên nới lỏng<sup>(8)</sup>. Chính sách tài chính mở rộng và chính sách tiền tệ nới lỏng là biện pháp hữu hiệu giải quyết nhu cầu xã hội không đủ, quản lý chặt chẽ lưu thông hàng hoá. Chính sách tài chính thắt chặt và chính sách tiền tệ thắt chặt là biện pháp giải quyết hữu hiệu nhu cầu

xã hội quá mạnh, hạn chế sự tăng giảm trong lưu thông hàng hoá. Trong những năm gần đây, sự phối hợp nhịp nhàng giữa chính sách tài chính tích cực và chính sách tiền tệ ổn định là thành công điển hình của điều tiết vĩ mô trong giai đoạn mới phát triển kinh tế. Chính sách tài chính tích cực là chính sách nhằm vào tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm, tổng nhu cầu xã hội không đủ. Mục đích của nó là thông qua đầu tư vốn tài chính với quy mô lớn trong một thời gian ngắn, nhanh chóng mở rộng nhu cầu hữu hiệu của xã hội, gia tăng sức mua của xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế<sup>(9)</sup>. Từ năm 1998-2004, Trung Quốc thi hành chính sách tài chính tích cực và chính sách tiền tệ ổn định, từ năm 2004 đến nửa đầu năm 2007 là chính sách tài chính ổn định và chính sách tiền tệ ổn định, từ giữa năm 1997 đến trước Hội nghị lần thứ 5 Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trung Quốc khóa XVI (5-11-2008) là chính sách tài chính tích cực và chính sách tiền tệ nói lỏng có mức độ<sup>(10)</sup>. Đây là lần đầu tiên trong 10 năm qua, Trung Quốc đưa ra chính sách nói lỏng tiền tệ có mức độ. “Nói lỏng” trong chính sách tiền tệ biểu hiện ở các mặt sau: *một là*, xóa bỏ sự khống chế mức tín dụng, mở rộng quy mô tín dụng; *hai là*, tiến hành các thao tác công khai trên thị trường tương ứng (tiền tệ, trái phiếu...); *ba là*, điều chỉnh xuống tỷ lệ tiền gửi ngân hàng theo quy định của pháp luật; *bốn là*, điều chỉnh

xuống tỷ lệ lãi suất<sup>(11)</sup>. Chính sách tài chính tích cực và chính sách nói lỏng tiền tệ có mức độ có ý nghĩa quan trọng trong giải quyết mâu thuẫn và những vấn đề nổi cộm còn tồn tại trong phát triển kinh tế, duy trì sự phát triển tương đối nhanh và ổn định kinh tế xã hội.

*Năm là*, thể chế mở cửa đối ngoại không ngừng hoàn thiện, cục diện mở cửa đối ngoại toàn phương vị, nhiều tầng nấc và đa lĩnh vực đã hình thành. Thể chế quản lý đầu tư ra nước ngoài và của các nhà đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc dần dần hoàn thiện. Hệ thống pháp luật chính sách liên quan đến nước ngoài phù hợp với Trung Quốc và những quy tắc của WTO bước đầu được xây dựng. Trong chiến lược sử dụng nguồn vốn ngoại hiện nay, Trung Quốc đã có những thay đổi khác trước. Từ việc đi tìm và thu hút nguồn vốn ngoại mang tính hành chính, đã thực hiện bước chuyển biến hướng tới việc tuân thủ theo quy luật kinh tế thị trường. Chính quyền địa phương thông qua những chỉ tiêu tổng hợp như hàm lượng kỹ thuật, tỷ lệ phối hợp ở trong nước, tiêu hao tài nguyên, bảo vệ môi trường, tăng việc làm v.v..., xây dựng hệ thống xét duyệt, đánh giá việc thu hút vốn ngoại phù hợp với yêu cầu của quan điểm phát triển khoa học. Thực hiện bước chuyển biến từ chỗ chú trọng lấy đầu tư vốn ngoại để lôi kéo sự tăng trưởng của tổng lượng kinh tế trước đây sang việc coi trọng thu hút

kỹ thuật, quản lý, nhân tài để thúc đẩy tự chủ nâng cấp ngành nghề, chú trọng tiếp thu, học tập, dung hoà và sáng tạo trong việc thu hút kỹ thuật, nâng cao năng lực sử dụng nguồn vốn ngoại để thúc đẩy việc xây dựng nhà nước tự chủ sáng tạo. Khuyến khích việc thu hút các doanh nghiệp vốn ngoại theo mô hình tiết kiệm tài nguyên, có năng lực chuyển giao kỹ thuật mạnh, năng lực thu hút việc làm lớn; khuyến khích vốn ngoại đầu tư vào các ngành như nông nghiệp, ngành nghề kỹ thuật cao, các khu chế xuất, bảo vệ môi trường và ngành dịch vụ..., thu hút vốn ngoại đầu tư vào khu vực miền Trung và miền Tây. Khuyến khích các doanh nghiệp vốn ngoại và doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân triển khai liên doanh, hợp tác. Từng bước hình thành môi trường kinh tế thống nhất về chính sách đối với các doanh nghiệp vốn ngoại cũng như các doanh nghiệp trong nước, cạnh tranh công bằng; từng bước ưu hoá môi trường mềm cho đầu tư. Xây dựng hệ thống giám sát đầu tư nước ngoài lấy an toàn ngành nghề quốc gia làm cơ sở; quy phạm hành vi thu mua vốn ngoại, tăng cường trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp đối với các doanh nghiệp vốn ngoại, đảm bảo quyền lợi cho công nhân viên trong các doanh nghiệp vốn ngoại... Việc kinh doanh xuất nhập khẩu với sự tham gia của nhiều loại hình sở hữu giữa các doanh nghiệp trong

và ngoài nước đã cơ bản hình thành. Thu hút vốn thực tế đã vượt 760 tỷ USD. Trong 500 doanh nghiệp mạnh trên thế giới, đã có gần 480 doanh nghiệp vào đầu tư ở Trung Quốc. Sự phụ thuộc ngoại thương của Trung Quốc tăng từ 8.9% năm 1978 lên khoảng 60% năm 2007<sup>(12)</sup>.

## **2. Cải cách thể chế đã giải phóng và phát triển sản xuất**

Mục đích cơ bản của công cuộc cải cách thể chế kinh tế ở Trung Quốc là giải phóng và phát triển sức sản xuất. Qua 30 năm cải cách thể chế kinh tế, Trung Quốc từ một nước nghèo nàn, lạc hậu và thu nhập thấp trở thành một nước có thu nhập trung bình, tạo nên “kỳ tích Trung Quốc”. Từ cải cách mở cửa đến nay, GDP/năm của Trung Quốc tăng bình quân 9,7%, vượt xa tốc độ tăng trưởng bình quân/năm khoảng 3% của kinh tế toàn cầu, khiến cho sức mạnh tổng hợp quốc gia không ngừng được tăng cường. Từ năm 1978-2007, GDP của Trung Quốc từ 362,4 tỷ NDT tăng lên 24.700 tỷ NDT; thu nhập tài chính từ 113,2 tỷ NDT tăng lên 5.130 tỷ NDT; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ngoại thương tăng từ 20,6 tỷ USD lên 2.170 tỷ USD; dự trữ ngoại hối tăng từ 167 triệu USD lên 1528,2 tỷ USD<sup>(13)</sup>. Hiện nay, GDP của Trung Quốc đứng thứ 4 thế giới. Những sản phẩm nông nghiệp chủ yếu như lương thực, thịt, bông và những sản phẩm công nghiệp chủ yếu như thép,

than và tỉ lệ, máy tính đều có sản lượng đứng đầu thế giới.

Chất lượng và hiệu quả vận hành kinh tế của Trung Quốc không ngừng được nâng cao. Từ năm 1978-2007, năng suất lao động bình quân đầu người từ 917 NDT tăng lên 24.246 NDT. Tỷ trọng của 3 khu vực ngành nghề quan trọng là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trong GDP lần lượt thay đổi từ 27,94%, 47,88% và 24,18% thành 11,70%, 49,20% và 39,10%, cơ cấu kinh tế được cải thiện rõ rệt, hiệu quả phát triển kinh tế và xã hội được nâng lên. Đã có 22 doanh nghiệp Trung Quốc lọt vào 500 doanh nghiệp mạnh của thế giới, sức cạnh tranh và tiềm lực của doanh nghiệp ngày càng tăng cường<sup>(14)</sup>.

### **3. Cải cách thể chế đã nâng cao mức sống của người dân**

30 năm kể từ khi cải cách mở cửa trở lại đây là thời kỳ thu nhập của người dân tăng trưởng nhanh nhất, họ được hưởng nhiều thành quả thiết thực nhất. Thu nhập của cư dân thành thị và nông thôn tăng mạnh. Từ năm 1978-2007, GDP bình quân đầu người tăng từ 381 NDT lên 18.600 NDT. Thu nhập bình quân đầu người của cư dân thành thị và thu nhập bình quân đầu người thuần của cư dân nông thôn lần lượt tăng từ 343 NDT và 134 NDT lên 13.786 NDT và 4.140 NDT, loại trừ nhân tố vật giá, lần lượt tăng 7,1 lần và 5,3 lần. Số dư tài khoản tích lũy của cư dân thành thị tăng từ 21,1 tỷ NDT lên 17.600 tỷ NDT<sup>(15)</sup>.

Kết cấu tiêu dùng cư dân không ngừng được nâng cao, chất lượng cuộc sống được cải thiện rõ rệt. Năm 1978-2007, tổng kim ngạch bán lẻ hàng hóa xã hội tăng từ 155,86 tỷ NDT lên 8.921 tỷ NDT, nhu cầu tiêu dùng của người dân không ngừng mở rộng. Hệ số Engel (tỷ lệ chi cho thực phẩm trên chi phí tiêu dùng sinh hoạt của mỗi người trong một năm) của gia đình cư dân thành thị và nông thôn lần lượt giảm từ 57,5% và 67,7% xuống 36,3% và 43,1%, kết cấu tiêu dùng không ngừng được nâng cấp. Diện tích nhà ở bình quân đầu người ở thành thị và nông thôn lần lượt tăng từ 6,7m<sup>2</sup> và 8,1m<sup>2</sup> lên 26m<sup>2</sup> và 29,7m<sup>2</sup>, điều kiện sống không ngừng được cải thiện. Đời sống của người dân cơ bản đã chuyển từ lấy “ăn, mặc” làm trọng điểm sang đời sống tiêu dùng đa cấp giáo dục, văn hóa, du lịch, giải trí, lấy “ở, đi lại” làm chủ thể.

Đời sống của những người có thu nhập thấp ở thành thị và nông thôn từng bước được cải thiện. Về phương diện xóa đói giảm nghèo, Trung Quốc đạt được những thành tựu được cả thế giới công nhận. Năm 1978-2007, số nhân khẩu nghèo tuyệt đối ở nông thôn (thu nhập bình quân năm dưới 785 NDT) giảm từ 250 triệu người xuống 14.790.000 người<sup>(16)</sup>. Đời sống cơ bản của những người có thu nhập thấp và những người có đời sống khó khăn còn nhận được sự trợ giúp về mặt chế độ...

## **II. NHỮNG KINH NGHIỆM TRONG CẢI CÁCH THỂ CHẾ KINH TẾ Ở TRUNG QUỐC**

### **1. Thể chế phải thích ứng với điều kiện của đất nước trong từng thời kỳ nhất định**

Thể chế kinh tế thị trường là thể chế đảm bảo cho việc phân bổ nguồn lực hiệu quả nhất. Nó được quyết định bởi kết cấu chính trị và xã hội của quốc gia trong mỗi giai đoạn nhất định. Những kinh nghiệm của Trung Quốc đã chứng minh, một quốc gia có thể dựa vào những điều kiện lịch sử và nhu cầu thực tế của mình để chọn lựa một thể chế phát triển phù hợp với tình hình đất nước. Trung Quốc là một nước lớn đang phát triển, lại đang ở giai đoạn đầu của CNXH, pháp chế chưa kiện toàn, giao dịch thị trường phần lớn dựa vào quan hệ chứ không phải những quy tắc. Quan hệ xã hội trong giai đoạn đầu phát triển kinh tế trở thành cơ chế hiệu quả để điều hòa giao dịch, giảm giá thành của những chế định và thi hành pháp luật. Vì vậy, so với các nước phát triển phương Tây, nền kinh tế thị trường của Trung Quốc là nền kinh tế thị trường có sự can thiệp mạnh của chính phủ, đồng thời cũng là nền kinh tế thị trường gắn chặt với quan hệ xã hội. Do vậy, biểu hiện nổi bật của nó chính là “sự mất cân bằng cả bên trong và bên ngoài”<sup>(17)</sup> trong phát triển. Để khắc phục cục diện mất cân bằng này, Trung Quốc bắt đầu từ việc

điều chỉnh kết cấu quản lý, thúc đẩy sự thay đổi kết cấu chế độ “từ chính phủ theo mô hình quản lý đến chính phủ theo mô hình phục vụ” và “từ xã hội theo mô hình quan hệ đến xã hội theo mô hình quy tắc”, đồng thời thực hiện ba sự chuyển đổi mục tiêu phát triển “từ chia cắt đến dung hợp thành thị nông thôn”, “từ mất cân bằng đến cân bằng khu vực” và “từ theo đuổi hiệu suất đến coi trọng công bằng”. Cùng với sự tăng trưởng liên tục của nền kinh tế, nếu thu nhập của người lao động có thể được nâng cao đồng bộ, chế độ bảo đảm xã hội ngày càng hoàn thiện, cục diện chênh lệch thu nhập không ngừng tăng có thể được điều hòa, nhu cầu trong nước có thể được nâng cao, Trung Quốc có thể nhân cơ hội đưa phương thức tăng trưởng kinh tế từ “mô hình dựa vào xuất khẩu” dần điều chỉnh thành “mô hình được thúc đẩy bởi nhu cầu bên trong”...

### **2. Quan hệ chính phủ, xã hội và thị trường điều chỉnh theo sự phát triển của thể chế**

Trong 30 năm cải cách mở cửa, Trung Quốc đã chọn mô hình phát triển dưới sự chỉ đạo của chính phủ. Cơ chế thị trường mặc dù đã dần được thiết lập nhưng chính phủ vẫn luôn đứng trên thị trường, trực tiếp can thiệp vào sự phân bổ nguồn lực. Về vĩ mô, chính phủ chế định chính sách và sách lược phát triển kinh tế. Về vi mô, chính phủ tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng, can thiệp vào

phương thức vay vốn của cơ cấu tài chính tiền tệ, thậm chí trực tiếp tổ chức hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Trong giai đoạn đầu phát triển kinh tế, mô hình phát triển do chính phủ chỉ đạo có ưu thế của nó, đặc biệt là trong việc thúc đẩy cơ sở hạ tầng và phát triển ngành chế tạo quy mô lớn, chính phủ đã bù đắp cho những sự thiếu hụt của bộ phận tư nhân. Nhưng cùng với sự nâng cao của trình độ phát triển kinh tế, bộ phận tư nhân dần lớn mạnh, cơ sở hạ tầng cũng cơ bản hoàn thành, mức sống của người dân được nâng cao, nhu cầu đối với lĩnh vực công cộng cũng ngày càng cao, lúc này đòi hỏi phải thay đổi chức năng chính phủ, từng bước rút ra khỏi lĩnh vực sản xuất, đầu tư nhiều hơn cho lĩnh vực công cộng.

Một vấn đề quan trọng hơn cả trong mô hình phát triển của chính phủ là chế độ phân quyền tài chính có sự điều chỉnh theo những biến đổi của giai đoạn phát triển kinh tế. Trong giai đoạn đầu của cải cách mở cửa, thể chế phân quyền tài chính đã từng đem lại cơ chế kích lệ hiệu quả cho chính quyền địa phương phát triển kinh tế. Dưới thể chế phân quyền tài chính, mục tiêu phát triển kinh tế được rút ngắn, nhưng những mục tiêu có lợi cho phát triển kinh tế lâu dài lại bị coi nhẹ. Đặc biệt, dưới tác dụng của cơ chế thị trường, mục tiêu tăng trưởng và hiệu suất được đặt lên vị trí hàng đầu, trong khi đó sự mất cân bằng

trong thu nhập và dịch vụ công cộng giữa thành thị, nông thôn, giữa các khu vực và các tầng lớp cư dân lại có xu hướng gia tăng. Sự mất cân bằng lan rộng có những ảnh hưởng phụ trực tiếp và gián tiếp trên nhiều phương diện tác động tới sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Điều này đòi hỏi Trung Quốc phải có những điều chỉnh tương ứng với thể chế phân quyền tài chính, đưa cơ chế chi tài chính của chính phủ chuyển thành tài chính công, dùng cho những dịch vụ công cộng có liên quan đến dân sinh.

### **3. Thử nghiệm thể chế đối với chuyển đổi mô hình kinh tế và phát triển**

Một kinh nghiệm quan trọng nhất trong sự chuyển đổi mô hình kinh tế và phát triển của Trung Quốc là thử nghiệm thể chế kiểu “dò đá qua sông”. Trong thời kỳ đầu của cải cách mở cửa, Trung Quốc tiến hành đột phá từ những bộ phận yếu kém của thể chế kinh tế kế hoạch, nông thôn trước, sau đó đến thành thị, mở rộng quyền trước và cải cách chế độ sau, thí điểm trước rồi mở rộng sau, các đặc khu trước rồi đến vùng duyên hải, cuối cùng mở rộng ra cả nước, trước tiên tăng về lượng sau đó bảo tồn số lượng, ngoại vi trước, trọng tâm sau, dễ trước khó sau, tiến dần từng bước. Qua thực tiễn chuyển đổi kinh tế của Trung Quốc, có thể thấy tiến dần từng bước là phương thức cải cách phù hợp với



tình hình cụ thể khi công nghiệp hóa vẫn chưa hoàn thành và đặc trưng nhị nguyên thành thị nông thôn vẫn rất rõ nét. Điều này có lợi cho việc giảm những trở ngại và những rủi ro cho cải cách, là con đường cải cách có giá thành thấp, ít biến động và hiệu quả cao. Song, cùng với những mâu thuẫn và vấn đề xuất hiện trong thực tiễn cải cách, hiệu quả cải cách khó có thể thực hiện để mọi người dân đều được lợi, trong một vài lĩnh vực hoặc bộ phận then chốt, cải cách thể chế cũng cần đột phá riêng lẻ, tìm kiếm sự phát triển rồi mới có thể thúc đẩy tổng thể, chuyển đổi hợp lý, tránh cho cải cách bị kéo dài, thậm chí ngừng lại.

#### **4. Chủ động hội nhập toàn cầu là con đường tất yếu để phát triển kinh tế**

Nếu nói thúc đẩy cải cách dựa vào phương thức thử nghiệm là nội dung quan trọng của những kinh nghiệm của Trung Quốc thì chủ động hội nhập toàn cầu dựa vào những chính sách mở cửa lại là con đường tất yếu để phát triển kinh tế. Mở cửa kinh tế và gia nhập vào hệ thống phân công lao động quốc tế có nghĩa là Trung Quốc có thể phát huy những ưu thế so sánh của mình, đồng thời dựa vào thị trường quốc tế để thực hiện kinh tế sản xuất quy mô. Đối với một nước đang phát triển có nguồn lao động tương đối phong phú, dồi dào như Trung Quốc, thiếu vốn thì nhất định phải thông qua thương mại quốc tế để

tăng nguồn vốn, đồng thời từng bước tiến hành tích lũy vốn, thực hiện nâng cấp kết cấu khu vực, ngành nghề, điều chỉnh từng bước ưu thế so sánh của mình, nâng lên vị trí trình độ kỹ thuật ngày càng cao trong hệ thống phân công lao động quốc tế. Trong quá trình này, mở cửa vừa thể hiện ở việc tăng thương mại quốc tế trong thị trường hàng hóa, vừa thể hiện ở sự thu hút vốn quốc tế trong thị trường vốn, và những điều này lại mang lại những cơ hội học tập toàn diện về chế độ và kỹ thuật cho Trung Quốc. Công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc đã chứng minh, chỉ có chủ động hội nhập toàn cầu hóa mới có thể thực hiện phát triển. Khi Trung Quốc mở cửa từng bước hội nhập vào thể chế kinh tế toàn cầu, hoạt động của kinh tế Trung Quốc có những ảnh hưởng không thể coi nhẹ với kinh tế thế giới. Đồng thời, là một thành viên quan trọng trong Tổ chức Thương mại thế giới, mỗi bước cải cách quan trọng của Trung Quốc đều có mối liên hệ với sự phát triển kinh tế toàn cầu. Khi chênh lệch thu nhập trong nước của Trung Quốc từng bước mở rộng, giá nhân công liên tục đi xuống, xuất khẩu tăng mạnh, mất cân bằng ngoại thương thì không chỉ Trung Quốc nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo hộ quyền lợi người lao động mà cộng đồng quốc tế cũng cho rằng, nội bộ Trung Quốc cần thông qua những biện pháp tăng cường bảo hộ lao động để gánh vác trách nhiệm của một nước lớn

đối với tình trạng mất cân bằng thương mại toàn cầu... Điều này đem lại những động lực thúc đẩy từ bên ngoài cho sự cải cách bên trong của Trung Quốc.

Nhìn lại 30 năm cải cách thể chế kinh tế của Trung Quốc, chúng ta thấy thành tựu mà Trung Quốc đạt được là huy hoàng vĩ đại, những kinh nghiệm của Trung Quốc vô cùng quý giá. Là một quốc gia đang trong quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, những bài học kinh nghiệm từ Trung Quốc gợi mở cho chúng ta nhiều vấn đề suy nghĩ để có thể “tìm lợi tránh hại” cho quá trình chuyển đổi của chúng ta thành công.



**CHÚ THÍCH:**

(1) Trâu Đông Thọ (chủ biên): “30 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc (1978-2008)”.- Nxb Văn Hiến KHXH, BK, TQ, 6-2008, tr.744

(2) Viện Nghiên cứu cải cách và phát triển Hải Nam Trung Quốc: “*Những khuyến nghị thẳng thắn về công cuộc cải cách của Trung Quốc (11.2001- 10.2006)*”.- Nxb Kinh tế, BK, TQ, 10-2006, tr.175

(3) Trâu Đông Thọ (chủ biên): “30 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc (1978-2008)”.- sdd, tr.744

(4) Báo cáo thứ 05: “*Thị trường trong nước tiếp tục duy trì sôi nổi, phồn vinh*”.- Vụ Tổng hợp Cục Thống kê Nhà nước Trung Quốc.- ngày 24-9-2007

(5) Báo cáo thứ 05: “*Thị trường trong nước tiếp tục duy trì sôi nổi, phồn vinh*”.- TLdd ngày 24-9-2007

(6) Trâu Đông Thọ (chủ biên): “30 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc (1978-2008)”.- sdd, tr.744

(7) Trâu Đông Thọ (chủ biên): “30 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc (1978-2008)”.- sdd, tr. 144

(8) “100 vấn đề hướng dẫn học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc”.- Nxb Tài liệu xây dựng Đảng, BK, TQ, 10-2003, tr.115

(9) Sử Kiến Bình (chủ biên): “*Nghiên cứu những vấn đề cải cách kinh tế*”.- NXB Hải Dương, Bắc Kinh, TQ, 3-2005, tr. 47

(10) *Phân tích chính sách tài chính tích cực*

(11) *Trở lại chính sách tài chính tích cực và chính sách nơi lồng tiền tệ: cơ hội mới để xây dựng thị trường trái phiếu-*

(12), (13), (14), (15) Trâu Đông Thọ (chủ biên): “30 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc (1978-2008)”.- sdd, tr.745

(13) Trâu Đông Thọ (chủ biên): “30 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc (1978-2008)”.- sdd, tr.745

(16) Trâu Đông Thọ (chủ biên): “30 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc (1978-2008)”.- sdd, tr.746

(17) Phan Thế Vĩ (chủ biên): “*Con đường phát triển kinh tế của nước lớn Trung Quốc*”.- Nxb Đại bách khoa toàn thư, BK, TQ, 4-2008, tr.329